TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 488/2019/KDTM-PT
Ngày: 28/5/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**: Bà Nguyễn Thị Trinh**

Các Thẩm phán: **Bà Hà Thanh Thủy**

Bà Trương Thị Thảo

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Bùi Thị Thanh Phượng** – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Tôn Mạnh Hùng** – Kiểm sát viên

Trong các ngày 16/4/2019, 13/5/2019 và ngày 28/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2018/KDTM-PT ngày 05/12/2018 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do bản án kinh doanh sơ thẩm số 53/2018/KDTM-ST ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 774/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 756/2019/QĐ-PT ngày 21tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật B TC

Địa chỉ: đường TSN, phường TSN, quận T, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền:

- Ông Đoàn Hữu S – Sinh năm 1991 (theo Giấy ủy quyền ngày 19/4/2019) – có mặt

Địa chỉ: Đường T, KP H, phường TP, Quận S, Thành phố H

- Ông Lưu Mai H – Sinh năm 1980 (theo Giấy ủy quyền ngày 19/02/2019) – phiên tòa ngày 16/4/2019 có mặt, phiên tòa ngày 13/5/2019 vắng mặt không lý do, phiên tòa ngày 28/5/2019 có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Đường T, KP H, phường TP, Quận S, Thành phố H

2. Bị đơn: Công ty CP Đ

Địa chỉ: Đường A, phường T, Quận F, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc Y - sinh năm 1987 (Giấy ủy quyền số 08-2019/UQ-CTHĐQT ngày 10/01/2019) có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ H

Địa chỉ: Đường A, Khu phố O, phường BT, Quận S, Thành phố H

Đại diện theo pháp luật : Ông Phan Trọng H – Sinh năm 1977 – vắng mặt

Địa chỉ : Đường N, Khu phố O, phường T, Quận S, Thành phố H.

4. Người kháng cáo: Công ty CP Đ và Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật B TC.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì sự việc đươc tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/12/2016, nguyên đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và kỹ thuật B TC, người đại diện theo ủy quyền là ông Đoàn Hữu S trình bày:

Ngày 15/8/2012, Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và kỹ thuật B TC (viết tắt là Công ty B TC) và Công ty Cổ phần Đ (viết tắt là Công ty Đ) đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 137-2012/HĐKT/ĐK-TC mua bán máy bơm nước. Theo đó, Công ty B TC (bên bán) đã bán cho bên Công ty Đ (bên mua) máy bơm nước với tổng giá trị của hợp đồng là 4.609.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo các bên xác nhận giá trị thực tế hoàn thành của hợp đồng là 4.466.000.000 đồng theo Bảng giá trị đề nghị quyết toán ngày 15/5/2015 và Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán ngày 15/5/2015.

Công ty B TC đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng nhưng bên Công ty Đ chỉ mới thanh toán cho Công ty B TC khoản tiền 3.502.950.000 đồng, số tiền còn lại chưa thanh toán là 963.050.000 đồng. Ngày 15/5/2015, các bên đã tiến hành thanh lý hợp đồng theo Biên bản thanh lý hợp đồng số 01/BBTLHĐ/ĐK-TC và chốt lại số nợ Công ty Đ còn phải trả cho Công ty B TC đối với hợp đồng kinh tế số 137-2012/HĐKT/ĐK-TC ngày 15/8/2012 là 963.050.000 đồng.

Ngày 20/3/2012, giữa Công ty B TC và Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ H (gọi tắt là Công ty H) ký kết Hợp đồng kinh tế số 28/2012/TPC/HĐKT. Ngày 07/8/2013, các bên tiếp tục ký Phụ lục Hợp đồng kinh tế của hợp đồng kinh tế số 28/2012/TPC/HĐKT ngày 20/3/2012. Nội dung: Công ty B TC cung cấp các thiết bị liên quan đến máy bơm cho Công ty H với tổng giá trị là 7.143.043.932 đồng. Đối với giao dịch này, Công ty H đã thanh toán được số tiền 824.683.815 đồng, số tiền chưa thanh toán là 6.318.360.117 đồng.

Ngày 10/8/2013, ba bên là Công ty Đ (chủ đầu tư); Công ty H (nhà thầu thi công cho chủ đầu tư) và Công ty B TC (đơn vị cung cấp vật tư, thiết bị) đã

thống nhất tại Biên bản thỏa thuận số 01BB-TC/08/13 "Về việc cấn trừ công nợ ba bên", theo đó Công ty Đ đồng ý thay Công ty H thanh toán trực tiếp cho Công ty B TC theo nội dung thỏa thuận tại mục 1.2 Điều 1, cụ thể: "*Trong trường hợp vượt quá thời hạn thanh toán mà Nhà thầu thi công vẫn chưa thanh toán cho Nhà cung cấp vật tư, vật liệu thì Nhà cung cấp vật tư, vật liệu có quyền gửi văn bản đề nghị chủ đầu tư hỗ trợ thanh toán trực tiếp cho Nhà cung cấp vật tư, vật liệu bằng cách khấu trừ trực tiếp số tiền Nhà thầu thi công còn thiếu từ khoản tiền mà Chủ đầu tư chuẩn bị giải ngân cho Nhà thầu thi công".*

Ngày 14/5/2015, Công ty Đ và Công ty B TC đã thống nhất ký Biên bản làm việc số 175-2015/BBLV-CTHĐQT/ĐK-BTC-ICIC và xác định Công ty Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty B TC số tiền 963.050.000 đồng của hợp đồng kinh tế số 137-2012/HĐKT/ĐK-TC ngày 15/8/2012 và số tiền 6.318.360.117 đồng theo Biên bản thỏa thuận số 01BB-TC/08/13 ngày 10/8/2013 (Đây là khoản nợ mà Công ty Đ có trách nhiệm trả thay cho Công ty H). Ngoài ra, Công ty Đ còn phải trả tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ thời điểm 09/6/2015 đến 08/12/2016 với số tiền 984.670.076 đồng. Tổng cộng khoản tiền mà Công ty Đ phải thanh toán cho Công ty B TC là 8.006.080.193 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Công ty B TC yêu cầu Công ty Đ thanh toán khoản tiền nợ 8.768.556.007 đồng, trong đó khoản tiền nợ còn phải trả là 7.081.410.117 đồng, tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất 09%/năm tính từ 01/3/2016 đến ngày 24/10/2018 là 1.687.145.960 đồng, yêu cầu trả làm một lần ngay sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật. Không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 09/6/2015 đến ngày 29/02/2016.

Bị đơn là Công ty Cổ phần Đ có đại diện theo ủy quyền là ông Bùi Đức Tài Việt trình bày:

Đối với khoản nợ tại Hợp đồng kinh tế số 137-2012/HĐKT/ĐK-TC ngày 15/8/2012, Công ty Đ xác nhận còn nợ Công ty Bơm Tòan Cầu và đồng ý thanh toán khoản nợ 963.050.000 đồng. Ngày 19/6/2015, Công ty Đ đã thanh toán 200.000.000 đồng cho Công ty B TC, còn nợ 763.050.000 đồng, tuy nhiên Công ty Đ không đồng ý trả tiền lãi chậm thanh toán đối với khoản nợ này.

Đối với Hợp đồng số 28/2012/TPC-HĐKT ký ngày 20/3/2012: Công ty Đ chỉ chịu trách nhiệm trả nợ cho Công ty H nếu ba bên có "Biên bản giao nhận hàng hóa do đại diện 3 bên ký" và Biên bản đối chiếu công nợ giữa bên A (B TC) và bên B (H) trong đó có xác nhận đồng ý thanh toán bằng hình thức cấn trừ công nợ qua bên C (Đ). Xuất phát từ Hợp đồng đã ký giữa các bên thì Công ty Đ có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty H theo Hợp đồng đã ký số 106-2011 HĐKT/ĐK-HTT ngày 06/12/2011. Công ty H có nghĩa vụ trả nợ cho B TC theo Hợp đồng số 28/2012/TPC-HĐKT ký ngày 20/3/2012. Vì vậy, nếu Công ty Đ trả thay và chốt công nợ với Công ty B TC thì cần phải có sự xác nhận của Công ty H. Trong khi đó, Biên bản thỏa thuận làm việc ngày 14/5/2015 chỉ có Công ty Đ và Công ty B TC là không có cơ sở để xác lập công nợ. Ngoài ra, hiện nay Công ty H vẫn còn đang nợ Công ty Đ nên Công ty Đ không thể trả nợ thay cho Công ty H theo Biên bản thỏa thuận số 01BB-TC/08/13 "Về việc cấn trừ công

nợ ba bên" ngày 10/8/2013 và Biên bản làm việc số 175-2015/BBLV-CTHĐQT/ĐK-BTC-ICIC ngày 14/5/2015".

Các thỏa thuận trong Biên bản làm việc số 175-2015/BBLV-CTHĐQT/ĐK-BTC-ICIC ngày 14/5/2015 chỉ là kế hoạch và lộ trình thanh quyết toán nhưng nếu không có 3 bên xác nhận công nợ thì không phát sinh hiệu lực. Do vậy, Công ty Đ không đồng ý trả khoản tiền 6.318.360.117 đồng và tiền lãi suất chậm thanh toán cho Công ty B TC.

Công ty Đ không có yêu cầu phản tố đối với vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ H (sau đây gọi tắt là Công ty H): Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý và triệu tập hợp lệ công ty cũng như người đại diện theo pháp luật của Công ty H đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Công ty H không có mặt. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của Công ty H.

Tại bản án sơ thẩm số 53/2018/KDTM-ST ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Buộc Công ty Cổ phần Đ phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và kỹ thuật B TC số tiền 8.768.556.077 đồng. Trong đó tiền nợ là 7.081.410.117 đồng, tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/3/2016 đến ngày 24/10/2018 là 1.687.145.960 đồng.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và kỹ thuật B TC đối với số tiền 8.768.556.077 đồng mà Công ty Cổ phần Đ phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và kỹ thuật B TC cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng Công ty Cổ phần Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và kỹ thuật B TC về việc yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần Đ trả tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 09/6/2015 đến ngày 29/02/2016.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, bị đơn Công ty CP Đ kháng cáo bản án số 53/2018/KDTM-ST ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018, nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và kỹ thuật B TC kháng cáo một phần bản án số 53/2018/KDTM-ST ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Tại phiên Toà phúc thẩm:

Ông Lưu Mai H và ông Đoàn Hữu S đại diện nguyên đơn rút yêu cầu kháng cáo về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi trả chậm theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị y án sơ thẩm, vì căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 137/2012/HĐKT/ĐK-TC ngày 15/8/2012 và biên bản thanh lý hợp đồng số 01/BBTLHĐ/ĐK-TC thì bị đơn phải thanh toán giá trị còn lại của hợp đồng là 963.050.000 đồng và Hợp đồng kinh tế số 28/2012/TPB/HĐKT ngày 20/3/2012 Công ty BơmToàn cầu (Nhà cung cấp vật tư, thiết bị) và Công ty H (Nhà thi công), giá trị hợp đồng là 7.143.043.932 đồng; biên bản thỏa thuận ngày 10/8/2013 về việc thanh toán cấn trừ công nợ giữa Công ty Đ (là Chủ đầu tư); Công ty H (là Nhà thầu thi công); Công ty BơmToàn Cầu (là Nhà cung cấp vật tư, thiết bị cho nhà Thầu), biên bản làm việc số 175-2015/BBLV-CTHĐQT/ĐK-BTC-ICIC ngày 14/5/2015 giữa Công ty BơmToàn Cầu và Công ty Đ về việc đối chiếu công nợ và thống nhất lộ trình, kế hoạch thanh toán cho Nhà thầu B TC với dự án Khu TĐC Phú Mỹ. Công ty BơmToàn Cầu và Công ty Đ thống nhất chọn phương án: công ty Đ sẽ tự cân đối từ nguồn doanh thu căn hộ The Era Town thanh toán 200.000.000 đồng/tuần cho Công ty B TC, bắt đầu từ tháng 6/2015. Công nợ sẽ được dứt điểm trước ngày 29/02/2016.

Đại diện bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, chỉ đồng ý trả cho Nguyên đơn số tiền còn thiếu 763.050.000 đồng đối với hợp đồng kinh tế số 137/2012/HĐKT/ĐK-TC ngày 15/8/2012 nhưng không đồng ý trả tiền lãi.

Đối với số tiền 6.318.360.117 đồng bị đơn không đồng ý trả do tại Điều 1. 2 của biên bản thỏa thuận ngày 10/8/2013 giữa Công ty B TC, Công ty Đ và Công ty H ký "Trong trường hợp, vượt quá thời hạn thanh toán nhà thầu thi công (là H) vẫn chưa thanh toán cho nhà cung cấp vật tư, vật liệu (là B TC) có quyền gửi văn bản đề nghị Chủ đầu tư (là Đ) **hỗ trợ** thanh toán trực tiếp cho nhà cung cấp vật tư, vật liệu bằng cách khấu trừ trực tiếp số tiền nhà thầu còn thiếu (từ khoản tiền mà chủ đầu tư chuẩn bị giải ngân cho nhà thi công)". Sự thỏa thuận này là chỉ "hỗ trợ" cho Công ty H thanh toán trong điều kiện Công ty Đ còn nợ Công ty H, nhưng căn cứ vào hợp đồng thi công số 106 ngày 06/12/2011 giữa Công ty Đ và Công ty H, với giá trị quyết toán là 41.852.607.385 đồng (có công văn xác nhận số 03/2015/CV/HTT-ĐK ngày 15/01/2015 của Công ty TNHH DV-TM H); giá trị đã thanh toán 17.079.599.483 đồng; giá trị chủ đầu tư cung cấp vật tư 12.523.079.993 đồng; giá trị phạt chậm tiến độ 15.067.063.137 đồng (Theo công văn số 150131-ICIC-TED-79 ngày 31/01/2015 của Công ty ICIC giám sát là 120 ngày chậm thực hiện hợp đồng) và khấu trừ defect 727.000.000 đồng (theo công văn số 150209-ICIC-TED-89 ngày 09/02/2015 của Công ty ICIC) và Công ty Đ giữ lại số tiền bảo hành là 2.092.647.658 đồng. Tổng cộng Công ty Đ thanh toán cho Công ty H 47.489.390.271 đồng, như vậy âm 5.636.437.112 đồng nên Công ty Đ không đồng ý hỗ trợ Công ty H thanh toán số tiền trên cho Công ty B TC.

Tại phiên tòa Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, đề nghị:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa các đương sự chấp hành đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Tại phiên tòa, đại diện Nguyên đơn rút yêu cầu kháng cáo về yêu cầu bị đơn trả lãi chậm thanh toán của số tiền 7.081.410.117 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn, căn cứ vào biên bản thỏa thuận về việc thanh toán cấn trừ công nợ 03 bên số 01BB-TC/08/13 ngày 10 tháng 8 năm 2013 giữa H, B TC và Đ thì mục 1.2 Điều 1 về nội dung thỏa thuận "Trong trường hợp quá hạn thanh toán theo thỏa thuận mà nhà thầu HưngTân Thuận vẫn chưa thanh toán cho B TC thì công ty Đ sẽ thanh toán trực tiếp cho nhà cung cấp vật tư, thiết bị bằng cách khấu trừ trực tiếp từ khoản mà Đ sẽ thanh toán cho H từ khoản tiền mà chủ đầu tư chuẩn bị giải ngân cho nhà thầu thi công. Và Biên bản làm việc số 175/2015/BBLV-CTHĐQT/ĐK-BTC-ICIC ngày 14/5/2015 giữa Đ và Toàn Cầu thống nhất số nợ là 7.143.043.932 đồng chọn phương án 3 là mỗi tuần Đ trả 200.000.000 đồng, bắt đầu từ T6/2016, công nợ sẽ dứt điểm trước ngày 29/2/2016. Như vậy, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của B TC. Đối với ý kiến của đại diện Đ cho rằng Đ chỉ hỗ trợ cho H trả nợ trong điều kiện Đ còn nợ H, nhưng hiện tại H còn nợ Đ nên không đồng ý thanh toán số tiền nợ 6.318.360.117 đồng là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ H vắng mặt, tòa án đã niêm yết Quyết định xét xử số 774 ngày 28/02/2019, giấy triệu tập tham gia phiên tòa lúc 08 giờ ngày 21/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 756/2019/QĐ-PT ngày 21/3/2019, giấy triệu tập tham gia phiên tòa lúc 14 giờ ngày 16/4/2019 tại trụ sở hoạt động của Công ty H số 300/37 Nguyễn Văn Linh, phường Bình Thuận, Quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh và nơi cư trú của ông Phan Trọng H là người đại diện theo pháp luật của Công ty H tại số 97/3 Nguyễn Văn Linh, khu phố 1, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng Ông Phan Trọng H vẫn vắng mặt không lý do. Do vậy, căn cứ Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự tòa án tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và kỹ thuật B TC ủy quyền cho ông Lưu Mai H và ông Đoàn Hữu S; Công ty Cổ phần Đ ủy quyền

cho bà Nguyễn Thị Ngọc Y, việc ủy quyền này phù hợp với Điều 85 Bộ luật tố tụng Dân sư năm 2015.

[3] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút yêu cầu kháng cáo về việc yêu cầu Công ty Đ thanh toán số tiền lãi trả chậm theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường đối với toàn bộ số tiền chưa thanh toán 7.081.410.117 đồng; do vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của Công ty B TC.

[4] Về yêu cầu kháng cáo của Công ty Đ chỉ đồng ý thanh toán cho Công ty B TC số tiền nợ tại Hợp đồng kinh tế số 137-2012/HĐKT/ĐK-TC ngày 15/8/2012 với số nợ 763.050.000 đồng, không đồng ý trả lãi chậm trả.

[5] Căn cứ hợp đồng kinh tế số 137/2012/HĐKT/ĐK-TC ngày 15/8/2012 giữa Công ty cổ phần Đ và Công ty TNHH TM và Kỹ Thuật B TC, nội dung: Công ty B TC bán máy bơm cấp thoát nước cho công trình khu chung cư tái định cư Phú Mỹ , Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, giá trị hợp đồng là 4.609.000.000 đồng và căn cứ biên bản thanh lý hợp đồng ngày 15/5/2015 giữa hai bên: Bên B TC đã hoàn thành xong công việc, đạt yêu cầu các quy định kỹ thuật hiện hành, giá trị đã hoàn thành: 4.466.000.000 đồng, Đ đã thanh toán: 3.502.950.000 đồng, còn nợ lại: 963.050.000 đồng. Ngày 19/6/2016, Công ty Đ trả 200.000.000 đồng, còn nợ lại 763.050.000 đồng, Công ty Đức Khải đồng ý trả số tiền này nên bản án sơ thẩm buộc Công ty Đ phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty B TC là đúng.

[6] Đối với kháng cáo của bị đơn không đồng ý trả số tiền lãi chậm trả.

Tại Điều 306 Luật thương mại quy định: “Trong trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng… thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả…”. Như vậy, đối chiếu quy định này, án sơ thẩm buộc Công ty Đ phải có nghĩa vụ trả tiền lãi trả chậm cho Công ty B TC là có căn cứ nên yêu cầu kháng cáo này của bị đơn không được chấp nhận.

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty B TC chỉ yêu cầu công ty Đ trả lãi chậm thanh toán với lãi suất 9%/năm so với lãi suất trung bình trên thị trường là thấp, có lợi cho bị đơn. Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm tính thời gian trả lãi chậm trả từ ngày 01/3/2016 đến ngày 24/10/2018 là 02 năm 7 tháng 23 ngày. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đồng ý tính lãi đến thời gian này. Do đó, số tiền lãi mà Công ty Đ phải thanh toán cho công ty B TC là:

763.050.000đ x 9%/năm x 02 năm 07 tháng 23 ngày = 181.796.662 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Đ phải trả cho B TC là 763.050.000 đồng (nợ gốc của Hợp đồng kinh tế số 137/2012/HĐKT/ĐK-TC ngày 15/8/2012)+ 181.796.662 đồng (nợ lãi) = 944.846.662 đồng.

[7] Đối với kháng cáo không đồng ý thanh toán số tiền 6.318.360.117 đồng theo hợp đồng số 28/2012/TPC-HĐKT ngày 20/3/2012 vì Hợp đồng này do Công ty B TC ký kết với Công Ty H.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận số tiền này xuất phát từ hợp đồng số 28/2012/TPC/HĐKT ngày 20/3/2012, và phụ lục hợp đồng ngày 07/8/2013 giữa Công ty H và Công ty B TC,với nội dung: "B TC cung cấp các thiết bị liên quan đến máy bơm cho Công ty H , với tổng giá trị là 7.143.043.932 đồng, Công ty H đã thanh toán 824.683.815 đồng , còn lại 6.318.360.117 đồng và căn cứ vào biên bản thỏa thuận về việc thanh toán cấn trừ công nợ 3 bên số 01BB-TC/08/13 ngày 10/8/2013 giữa Công ty Đ (chủ đầu tư); B TC (nhà cung cấp vật tư, thiết bị) và Công ty H (nhà thi công)".

Theo nguyên đơn khai tại mục 1.2 Điều 1 của biên bản thỏa thuận: "Trong trường hợp vượt quá thời hạn thanh toán mà nhà Thầu thi công vẫn chưa thanh toán cho Nhà cung cấp vật tư, vật liệu thì nhà cung cấp vật tư, vật liệu có quyền gửi văn bản đề nghị chủ đầu tư **hỗ trợ** thanh toán trực tiếp cho nhà cung cấp vật tư, vật liệu bằng cách khấu trừ trực tiếp số tiền nhà thầu thi công còn thiếu từ khoản tiền mà chủ đầu tư chuẩn bị giải ngân cho nhà thi công". Tại biên bản làm việc số 175-2015/BBLV-CTHĐQT/ĐK-BTC-ICIC ngày 14/5/2015 giữa Công ty Đ và Công ty B TC thống nhất phương án giải quyết các tồn động như sau: Xác định công nợ Đ phải thanh toán cho B TC số tiền 963.050.000 đồng của hợp đồng số 137/2012/HĐKT/ĐK-TC ngày 15/8/2012 và số tiền 6.318.360.117 đồng (đây là khoản nợ Đ phải trả thay cho H theo biên bản thỏa thuận số 01BB-TC/08/13 ngày 10/8/2013).

Tuy nhiên, bị đơn không đồng ý khai nhận của nguyên đơn và cho rằng tại phụ lục hợp đồng, biên bản thỏa thuận chỉ ghi **hỗ trợ** trả nợ thay cho Công ty H trong điều kiện Công ty Đ còn nợ Công ty H nhưng thực tế Công ty H còn nợ Công ty Đ 5.636.437.112 đồng, cụ thể Hợp đồng 106 ngày 06/12/2011 giữa Công ty Đ và Công ty H ký kết với nhau có giá trị quyết toán là 41.852.607.385 đồng, Đ đã thanh toán 17.079.599.483 đồng; khấu trừ vật tư do Công ty Đ cung cấp là 12.523.079.993 đồng; khấu trừ defect theo văn bản số 150209-ICIC ngày 09/02/2015 là 727.000.000 đồng, khấu trừ phạt chậm tiến độ theo văn bản số 150131-ICIC ngày 31/01/2015 là 15.067.063.137 đồng và giữ lại tiền bảo hành của hợp đồng 106 là 2.092.647.658 đồng, tổng cộng là 47.489.390.271 đồng, và để chứng minh cho việc Đ đã thanh toán cho Công ty H số tiền nhiều hơn hợp đồng số 106/2011/HĐKT/ĐK-HTT ngày 06/12/2011 là các ủy nhiệm chi, các biên lai chi tiền nhân công cho Công ty H và công văn số 03/2015/CV/HTT-ĐK ngày 15.01.2015, Công ty H có liệt kê mục Giá trị Vật tư Chủ đầu tư (tức Đ) cung cấp hợp đồng số 106 cho Công ty H là 12,523.079.993 đồng. Như vậy, các bên có khai nhận mâu thuẫn với nhau so với tài liệu trong hồ sơ vụ án, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải cho các bên tiến hành đối chất, thu thập chứng cứ làm rõ xem số tiền 6.318.360.117 đồng (nợ theo biên bản thỏa thuận số 01BB-TC/08/13 ngày 10/8/2013 của hợp đồng số 28 giữa Công ty B TC và Công ty H) có nằm trong khoản tiền mà Công ty Đ đã trừ với Công ty H trong số tiền cung cấp vật tư, vật liệu hay không; Ngoài ra, cần thu thập chứng cứ làm rõ số tiền Công ty Đ đã thanh toán cho Công ty H theo các ủy nhiệm chi và biên lai

chi tiền cho H có vượt quá số tiền quyết toán theo hợp đồng số 106 giữa Đ và H hay không. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập làm rõ những vấn đề trên đã buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn số tiền trên là chưa đủ cơ sở vững chắc. Do vậy, để bảo đảm quyền lợi cho các đương sự nên cần phải hủy một phần bản án sơ thẩm đối với phần tranh chấp số tiền này.

Từ những phân tích trên, hội đồng xét xử nghĩ nên hủy một phần bản án sơ thẩm đối với yêu cầu của Công ty B TC đòi Công ty Đ phải thanh toán số tiền 6.318.360.117 đồng và số tiền lãi chậm trả 1.505.349.289 đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty B TC buộc Công ty Đ trả số tiền mua hàng còn thiếu là 763.050.000 đồng của Hợp đồng số 137/2012/HĐKT/ĐK-TC ngày 15/8/2012 và tiền lãi 181.796.662, tổng cộng là 944.846.662 đồng.

Về án phí sơ thẩm: Do hủy một phần bản án sơ thẩm và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của công ty B TC nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là 944.846.662 đồng, Công ty Đ phải nộp 40.345.400 đồng.

Những nội dung khác đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: do hủy một phần bản án sơ thẩm nên hoàn lại Công ty Đ và Công ty B TC mỗi công ty 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 148; Khoản 3 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổi sung năm 2014);

- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bán thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật B TC về việc yêu cầu Công ty Cổ phần Đ thanh toán số tiền lãi trả chậm theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường đối với toàn bộ số tiền chưa thanh toán 7.081.410.117 (bảy tỷ không trăm tám mươi mốt triệu bốn trăm mười ngàn một trăm mười bảy) đồng

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty Cổ phần Đ.

3. Buộc Công ty Cổ phần Đ phải thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật B TC số tiền 944.846.662 (chín trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi hai) đồng (gồm nợ gốc theo hợp dồng số 137/2012/HĐKT/ĐK-TC ngày 15/8/2012 là 763.050.000 (bảy trăm sáu

mươi ba triệu không trăm năm mươi ngàn) đồng và tiền lãi 181.796.662 (một trăm tám mươi mốt triệu bảy trăm chín mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi hai) đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và kỹ thuật B TC mà Công ty Cổ phần Đ không trả các khoản tiền trên thì hàng tháng Công ty Cổ phần Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật B TC đòi Công ty Cổ phần Đ trả tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 09/6/2015 đến ngày 29/02/2016.

5. Hủy một phần bản án sơ thẩm số 53/2018/KDTM-ST ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh về yêu cầu của Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật B TC yêu cầu Công ty Cổ phần Đ thanh toán số tiền 6.318.360.117 đồng và tiền lãi trả chậm 1.505.349.289 đồng.

6. Những phần khác trong Quyết định của bản án sơ thẩm số 53/2018/KDTM-ST ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật thi hành.

Chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

7.Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần Đ chịu 40.345.400 (bốn mươi triệu ba trăm bốn mươi lăm ngàn bốn trăm) đồng.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Hoàn lại cho Công ty Cổ phần Đ tiền tạm nộp án phí 2.000.0000 (hai triệu) đồng theo biên lai thu số AG/2014/0006691 ngày 15/11/2018 và hoàn lại cho Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật B TC tiền tạm nộp án phí 2.000.0000 (hai triệu) đồng theo biên lai thu số AG/2014/0006693 ngày 15/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các qui định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao TP.HCM;
- VKSND cấp cao TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 5;
- Chi cục THADS Quận 5;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Trinh

Nguyễn Thu Chinh **Hà Thanh Thủy** **Nguyễn Thị Trinh**